

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2022/HNGĐ- ST
Ngày: 30/11/2022
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Thái Dìn

2. Ông Dương Ngọc Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C: Bà Bùi Thị Bích – Kiểm sát viên

Trong ngày 30 tháng 11 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2022/TLST- HNGĐ, ngày 25 tháng 6 năm 2022 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 15/11/2022;

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Nhu, sinh năm 1995

Trú tại: Xóm 4, xã T, huyện C, tỉnh Nghệ An

Bị đơn: Anh Phạm Ngọc S, sinh năm: 1986

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn S, xã B, huyện C, Thanh Hóa

Nơi cư trú hiện tại: 8K/1A Đường B 24, Khu phố Đ II, Đường H, Thành phố T, Bình Dương.

Chị Nh, anh S có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Nh trình bày:

Chị và anh Phạm Ngọc S lấy nhau năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, Nghệ An. Hai bên lấy nhau là tự nguyện, được tự do tìm hiểu. Sau khi cưới nhau sau cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do anh S suốt ngày chơi bời, rượu chè rồi chửi bới đánh đập tôi. Chị không chấp nhận cuộc sống đó nên đã về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng đã ly thân 2 năm nay. Nay

chị đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh Sáng.

Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung là: Phạm Ngọc Q, sinh ngày 03/9/2014. Lâu nay cháu đang ở với bố và gia đình bên nội tại Thôn S, xã B, huyện C, Thanh Hóa, chị có nguyện vọng được tiếp tục giao con cho anh S nuôi dưỡng.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Phạm Ngọc S: Tại Biên bản lấy lời khai ngày 04/11/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố T, tỉnh Bình Dương. Anh Phạm Ngọc S khai: Anh và Nh lấy nhau năm 2014, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Chị Nh về quê sống từ đó đến nay. Nay chị Nh đề nghị ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung là cháu Phạm Ngọc Q, sinh ngày 03/9/2014. Từ ngày chị Nh bỏ về quê ngoại ở, cháu Q sống cùng anh và gia đình bên nội tại Thôn S, xã B đến nay. Nay anh đồng ý tiếp tục nuôi con và không yêu cầu chị Nh cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 4 điều 147; khoản 2 điều 227 và điều 273 - Bộ luật TTDS. Căn cứ vào các điều 51; điều 56; điều 81; điều 82 và điều 83 – Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a, khoản 5 điều 27, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị xử cho chị Nh được ly hôn anh S. Đề nghị giao cháu Ngọc Q cho anh S nuôi dưỡng và buộc chị Nh phải chịu án phí DSST theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; căn cứ vào các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Phạm Thị Nh làm đơn khởi kiện xin ly hôn đối với bị đơn anh Phạm Ngọc S có hộ khẩu thường trú tại: Thôn S, xã B, huyện C, tỉnh Thanh Hóa, hiện đang tạm trú tại: 8K/1A Đường B 24, Khu phố Đ II, Đường B, Thành phố T, Bình Dương.

Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C,

quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, do bận công việc anh S không về tham gia phiên tòa được. Tòa án nhân dân huyện C đã ra quyết định ủy thác thu thập chứng cứ cho Tòa án nhân dân Thành phố T, tỉnh Bình Dương theo quy định. Như vậy về thủ tục tố tụng Tòa án nhân dân huyện C đã thực hiện đầy đủ, đảm bảo quy định. Nay chị Nh, anh S có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227, khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh S, chị Nh.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về Hôn nhân: Chị Nh và anh S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, Nghệ An, nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại điều 9 Luật hôn nhân gia đình. Quá trình chung sống, Chị Nh và anh S phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Mặc dù hai bên đã cố gắng hòa giải nhưng không được. Chị Nh đề nghị giải quyết ly hôn anh S đồng ý. Quá trình xác minh với chính quyền địa phương xác định hiện nay anh S đang đi làm ăn xa, chị Nh không có mặt tại địa phương. Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ vợ chồng giữa chị Nh và anh S đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, xử cho chị Nguyễn Thị Nh được ly hôn anh Phạm Ngọc S.

Về con chung: Công nhận cháu Phạm Ngọc Q, Sinh ngày: 03/9/2014 là con chung của chị Nh và anh S. Chị Nh đồng ý giao con cho anh S nuôi dưỡng, anh S cũng nhất trí nuôi con, không yêu cầu chị Nh cấp dưỡng nuôi con chung. Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/11/2022, cháu Phạm Ngọc Q trình bày nguyện vọng muốn được ở với bố. Vì vậy nên giao cháu Ngọc Q cho anh S nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh S không yêu cầu chị Nh cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản, công nợ: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nh phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 4 điều 147; khoản 1 điều 96; điểm b khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228 Bộ luật TTDS. Căn cứ vào các điều 51; điều 56; điều 81; điều 82 và điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a, khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Nh. Xử cho chị Nh được ly hôn anh S.

Về con chung: Giao cháu Phạm Ngọc Q, sinh ngày 03/9/2014 cho anh S nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Anh S không yêu cầu chị Nh cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nh có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Chị Nh phải chịu 300.000đ án phí DSST, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ, đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0010358, ngày 20/7/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Nh, anh Phạm Ngọc S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
- TAND tỉnh Thanh Hóa
- Chi cục THADS H.C;
- UBND xã B;
- UBND xã T, huyện C, N.An
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Dung